ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 464 /UBND-HCC V/v thực hiện công tác CCHC và kiểm soát TTHC hàng năm	*Tây Ninh, ngày 14 tháng 3 năm 2019*

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Tây Ninh.

Hiện nay, qua theo dõi của cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo CCHC tỉnh (Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh) cho thấy thì hầu hết các số liệu, kết quả triển khai, thực hiện trong công tác CCHC và kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh của từng cơ quan đã được cập nhật trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh hoặc thông qua các báo cáo về chuyên đề, chuyên ngành, lĩnh vực... Đồng thời, nhằm đơn giản hóa các báo cáo không cần thiết, giảm gánh nặng hành chính cho cơ quan các cấp và triển khai có hiệu quả thực chất đối với Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh liên quan đến công tác CCHC và kiểm soát TTHC, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Kể từ tháng 4/2019, các cơ quan nêu trên (trừ cơ quan trực tiếp tham mưu về CCHC của tỉnh và báo cáo tình hình, kết quả giải quyết TTHC qua phần mềm của Văn phòng Chính phủ quy định, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan cấp trên) không thực hiện báo cáo định kỳ về công tác CCHC và kiểm soát TTHC (báo cáo bằng chữ) theo hướng dẫn tại Công văn số 45/SNV-CCHC ngày 04/11/2016 của Sở Nội vụ hướng dẫn về xây dựng kế hoạch và chế độ báo cáo công tác CCHC.

2. Hàng năm, các cơ quan, địa phương căn cứ vào các nhiệm vụ, phần việc được giao tại Kế hoạch CCHC và kiểm soát TTHC của tỉnh đã phê duyệt mà tổ chức, triển khai thực hiện và không ban hành kế hoạch CCHC và kiểm soát TTHC đối với từng cơ quan như các năm về trước đã làm, tập trung thực hiện các phần việc của mình, tuy nhiên phải có văn bản phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng cá nhân, tổ chức, từng phòng, ban chuyên môn trực thuộc để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch của tỉnh. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ, công chức, cơ quan thuộc quyền quản lý triển khai, thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC của cơ quan mình.

3. Các cơ quan trực tiếp tham mưu về CCHC và kiểm soát TTHC của tỉnh: Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ chỉ báo cáo định kỳ (quý I, 6 tháng, quý III và năm) đối với nội dung chuyên môn về CCHC đã được UBND tỉnh giao trực tiếp tham mưu trên địa bàn tỉnh *(đề cương, phụ lục kèm theo)*, cụ thể:

Báo cáo gửi về Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, thời gian thực hiện báo cáo: Báo cáo quý I gửi về trước ngày **05/3**; báo cáo 6 tháng gửi về trước ngày **05/6**; báo cáo quý III gửi về trước ngày **05/9**; báo cáo năm gửi về trước ngày **25/11** hàng năm.

4. Giao UBND cấp huyện có văn bản chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện đúng các nội dung yêu cầu tại Công văn này trong công tác CCHC và kiểm soát TTHC thuộc quyền quản lý.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Tây Ninh thực hiện đúng chỉ đạo tại Công văn này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, HCC;
- Lưu: VT, VP ĐBQH, HĐND&UBND tỉnh.

(VAN)

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo công tác cải cách hành chính (quý I, 6 tháng, quý III và năm)
(Kèm theo Công văn số 454/UBND-HCC ngày 14 / 3/2019 của UBND tỉnh)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH *(Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh tham mưu)*

1. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính(CCHC)

Nêu công tác triển khai, quán triệt các nội dung, nhiệm vụ của chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh hàng năm.

2. Kiểm tra công tác CCHC

Tình hình thực hiện kiểm tra CCHC hàng năm; nêu rõ các khó khăn, vướng mắc phát hiện khi kiểm tra; việc xử lý, khắc phục các vấn đề sau kiểm tra.

3. Công tác tuyên truyền CCHC

Tình hình thực hiện tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế *(Sở Tư pháp tham mưu)*

a) Ban hành văn bản QPPL của tỉnh:

- Tổng số văn bản QPPL ban hành theo thẩm quyền,.

- Đánh giá việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định của pháp luật; chất lượng văn bản QPPL ban hành.

b) Rà soát văn bản QPPL:

- Kết quả rà soát văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá tình hình, kết quả rà soát, xử lý hoặc tham mưu xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát.

c) Tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông *(Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh tham mưu)*

a) Công khai thủ tục hành chính: Nêu rõ tổng số TTHC được công khai so với tổng số TTHC đã công bố tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, trên Trang Thông tin điện tử hoặc các hình thức công khai khác (nếu có).

b) Kết quả rút ngắn thời gian giải quyết TTHC.

c) Kết quả tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các TTHC.

d) Kết quả việc tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân về TTHC (nếu có).

đ) Tình hình triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch rà soát quy định, TTHC và Kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm của UBND tỉnh. Việc xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát.

e) Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông và các nội dung liên quan đến giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ***(Sở Nội vụ tham mưu)***

a) Tình hình thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy.

b) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan hành chính (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập).

c) Việc kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

d) Thực hiện phân cấp quản lý

- Nêu các lĩnh vực được Chính phủ và UBND tỉnh phân cấp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính của cơ quan, đơn vị.

- Đánh giá tình hình thực hiện các lĩnh vực được phân cấp. Nêu rõ thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị để tháo gỡ khó khăn trong thực hiện phân cấp.

đ) Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công như: y tế, giáo dục.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ***(Sở Nội vụ tham mưu)***

a) Về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã:

- Tổng số cán bộ, công chức cấp xã có mặt/chỉ tiêu biên chế được giao.

- Số lượng cán bộ cấp xã đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Số lượng CBCC cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ trong năm.

b) Về xây dựng Cơ cấu công chức theo vị trí việc làm cấp huyện, cấp tỉnh: Kết quả thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

c) Về xây dựng Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập: Kết quả thực hiện Đề án vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức như: tuyển dụng, bổ nhiệm,.....

đ) Tình hình thực hiện chính sách tinh giản biên chế; trong quý/năm đã thực hiện tinh giản bao nhiêu trường hợp, đạt tỷ lệ bao nhiêu so với kế hoạch đề ra.

e) Việc thực hiện chính sách thu hút nhân tài trên địa bàn tỉnh;

g) Tình hình, kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

h) Công tác đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn cán bộ, công chức: Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn CBCC; số CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong quý/năm.

6. Cải cách tài chính công *(Sở Tài chính tham mưu)*

a) Kết quả và đánh giá việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính theo quy định.

b) Nêu kết quả và đánh giá việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

c) Việc ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý tài sản công.

7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

a) Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước *(Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu)*:

- Tình hình xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của tỉnh; mức độ hoàn thành kế hoạch.

- Việc triển khai và mức độ ứng dụng các phần mềm điện tử: Văn phòng điện tử eOffice, thực hiện chữ ký số,...

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ BCCI.

b) Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính *(Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu)*:

Nêu và đánh giá về tình hình triển khai, công bố, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO hàng năm tại các cơ quan và đơn vị trên địa bàn tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế.

3. Nguyên nhân.

4. Đề xuất, kiến nghị

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH KỲ TỚI

Đơn vị báo cáo: Sở Tư pháp

Phụ lục 1

XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(kèm theo Công văn số 454/UBND - HCC ngày 14 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã thực hiện/ đã kiến nghị xử lý	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
I	**Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)**				
1	Mức độ thực hiện Quyết định ban hành VBQPPL hàng năm của tỉnh				
2	Số VBQPPL đã ban hành trong năm, được tổ chức triển khai thực hiện				
II	**Rà soát VBQPPL**				
1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của tỉnh				
2	Số vấn đề phát hiện khi rà soát văn bản quy phạm pháp luật thực hiện tại địa phương				
III	**Kiểm tra VBQPPL**				
1	Số VBQPPL thực hiện tại địa phương được kiểm tra (tổng số văn bản của ngành, lĩnh vực)				
2	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thực hiện tại địa phương				
IV	**Công tác phổ biến giáo dục pháp luật**				
1	Mức độ thực hiện kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm của tỉnh				
V	**Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**				
1	Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm của tỉnh				
2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm của tỉnh				

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính

Phụ lục 2

CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(kèm theo Công văn số 454 /UBND - HCC ngày 14 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (so với kế hoạch năm đề	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1	Tỷ lệ cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện đúng quy định về quản lý ngân sách						
2	Số lượng cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.						
3	Số lượng cơ quan hành chính tiết kiệm được kinh phí khoán để chi tăng thu nhập cho CBCC.						
4	Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập (tỉnh, huyện) thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.						
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và cấp huyện (đã triển khai cơ chế tự chủ) sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm						
6	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp						
7	Số lượng các tổ chức Khoa học và Công nghệ (tỉnh, huyện) thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP.						
8	Số lượng các tổ chức Khoa học và Công nghệ (tỉnh, huyện) có ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.						

Đơn vị báo cáo: Khoa học và Công nghệ

Phụ lục 3

THỐNG KÊ ÁP DỤNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TCVN ISO

(kèm theo Công văn số 454/UBND - HCC ngày 14 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (so với Kế hoạch năm đề ra)	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Tổng số cơ quan, đơn vị đã thực hiện công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008						
2	Số cơ quan, đơn vị đã thực hiện công bố ISO 9001:2008 trong năm						
3	Số cơ quan đơn vị thực hiện đúng quy định ISO-9001:2008 trong hoạt động						

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ

Phụ lục 4

CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ XÂY DỰNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CỦA TỈNH

(kèm theo Công văn số 454/UBND - HCC ngày 14 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Xã	
I	**Cải cách tổ chức bộ máy, biên chế**					
1	Số cơ quan hành chính các cấp					
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập					
3	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập					
4	Thực hiện kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện					
5	Số biên chế hành chính (cấp tỉnh và cấp huyện)					
6	Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập					
II	**Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC**					
1	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt					
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt					
3	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt					
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt					
5	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức					
6	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức					

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ

Phụ lục 5

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

(kèm theo Công văn số 454/UBND - HCC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã			
	Cán bộ			
	Công chức			
2	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên			
	Cán bộ			
	Công chức			
3	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm			

Đơn vị báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông

Phụ lục 6

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(kèm theo Công văn số 454/UBND - HCC ngày 14 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Xã	
1	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản					
2	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc					
3	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng/ Trang thông tin điện tử					
4	Số cơ quan thực hiện một cửa điện tử					
5	Số TTHC được cung cấp trực tuyến					
	- Mức 1					
	- Mức 2					
	- Mức 3					
	- Mức 4					
6	Số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Văn phòng điện tử.					
7	Số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện chữ ký số.					